TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 48/19/4, khu phố A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị T, anh K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2023, nguyên đơn chị T trình bày: Chị với anh K chung sống vợ chồng năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/7/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, mặc dù có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, khoảng ba năm sau khi chung sống thì mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nguyên nhân mâu thuẫn về mọi vấn đề trong cuộc sống, chủ yếu về vấn đề tình cảm. Do công việc của anh K đi theo công trình, nên vợ chồng ít gặp để cùng nhau chia sẻ niềm vui, nỗi buồn. Từ đó, làm cho cuộc sống

hôn nhân của vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Tránh xảy ra xung đột, khoảng đầu năm 2020, chị và anh K ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian này mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau. Chị cảm nhận cuộc hôn nhân này không thể kéo dài, vì cả hai đã tạo cho nhau cơ hội hòa giải, nhưng kết quả không đạt được.

Nay, cuộc hôn nhân này khả năng hàn gắn là không thể, vì tình cảm dành cho nhau không còn, giải thoát cho nhau về mặt pháp lý là cách tốt nhất, nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Tờ tự khai ngày 20/4/2023, bị đơn anh K trình bày: Anh với chị T chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn đúng như đơn khởi kiện, anh với chị T ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T, anh K có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh K chung sống vợ chồng năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/7/2008, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh K là hợp pháp. Chị T xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho cuộc sống vợ chồng không có khả năng hành gắn, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh K. Anh K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của chị T, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị T ly hôn với anh K.

2. Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017380 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị T đã thi hành xong án phí.

3. Chị T, anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức